

**BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT**

Mã ngành đào tạo: 73 80 101

HÀ NỘI – 2025

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Luật
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Laws
- Tên Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật
- Mã ngành đào tạo: 7380101
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Phương thức tổ chức đào tạo: Đào tạo theo tín chỉ
- Hình thức đào tạo: Chính quy và vừa làm vừa học
- Hình thức dạy và học: Trực tiếp kết hợp trực tuyến
- Số tín chỉ: 129 tín chỉ (*không bao gồm học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và học phần Giáo dục thể chất*)
- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh Chương trình đào tạo: Tháng 06/2025

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội là đào tạo người học có phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc; có sức khỏe; có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, cơ bản và chuyên sâu về pháp luật, nắm vững các nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật; có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, năng lực tư duy phản biện, khả năng nghiên cứu, sáng tạo, làm việc độc lập hoặc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm theo nhóm trong việc nghiên cứu, truyền bá và áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật; có năng lực tự học, khả năng về tin học, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thích ứng tốt với môi trường làm việc đa dạng và yêu cầu của hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao của xã hội và yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh kỷ nguyên mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực sau đây:

- **PO1 (Kiến thức):** Có hệ thống kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức thực tiễn cơ bản về nhà nước và pháp luật, các nguyên lý, học thuyết, kiến thức chuyên môn sâu, hệ thống về các lĩnh vực pháp luật cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn kiến thức về luật hiến pháp và hành chính, luật hình sự, luật dân sự, luật kinh tế, luật quốc tế và thương mại quốc tế.

- **PO2 (Kỹ năng chuyên môn):** Có các kỹ năng cần thiết để nâng cao hiệu quả công việc chuyên môn, thích nghi với nhiều môi trường làm việc khác nhau như xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật, tư vấn, giảng dạy và nghiên cứu pháp luật; hình thành các kỹ năng cơ bản để thực hành nghề luật như: soạn thảo văn bản pháp lý, phân tích hồ sơ vụ việc, phát hiện và giải quyết vấn đề pháp lý, tư vấn pháp luật, có khả năng tranh tụng ở mức độ cơ bản; sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

- **PO3 (Năng lực tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề):** Phát triển năng lực tư duy phản biện, tư duy logic, khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin và giải quyết các vấn đề pháp lý một cách độc lập, sáng tạo và có căn cứ khoa học.

- **PO4 (Phẩm chất và trách nhiệm):** Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức chuẩn mực, tinh thần thượng tôn pháp luật, ý thức trách nhiệm cao với cộng đồng và xã hội; có thái độ ham học hỏi, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

- **PO5 (Năng lực tự chủ và thích ứng):** Phát triển năng lực tự học, tự cập nhật kiến thức suốt đời, khả năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả; thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi của môi trường pháp lý, chính trị, kinh tế, xã hội và yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu vào của Chương trình đào tạo

Người học đăng ký xét tuyển vào Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:

a) Về trình độ học vấn:

Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Về năng lực và phẩm chất:

- Đáp ứng các tiêu chí và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo các phương thức tuyển sinh được Trường Đại học Luật Hà Nội công bố hàng năm, phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học;

- Các phương thức xét tuyển đảm bảo đánh giá được, bao gồm nhưng không giới hạn, kiến thức Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của thí sinh.

c) Các yêu cầu khác:

Các điều kiện cụ thể về đối tượng, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, tiêu chí phụ (nếu có), quy trình và hồ sơ đăng ký xét tuyển được quy định chi tiết trong Thông báo tuyển sinh đại học chính quy hàng năm của Trường Đại học Luật Hà Nội.

3.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

a) Về kiến thức (Knowledge)

PLO1 (Kiến thức nền tảng)	Áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về các nguyên lý, các học thuyết chính trị - pháp lý cơ bản, lý luận và lịch sử nhà nước - pháp luật, quyền con người, nghề luật và đạo đức nghề luật, lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật làm nền tảng phát triển tư duy pháp lý và phương pháp học tập suốt đời, nhận thức đầy đủ về pháp luật và trách nhiệm, đạo đức của nghề luật trong xã hội hiện đại.
------------------------------	---

PLO2 (Kiến thức pháp luật chuyên ngành)	Áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về luật hiến pháp và hành chính, luật hình sự, luật dân sự, luật kinh tế, luật quốc tế và các lĩnh vực liên quan để nhận diện, phân tích, lập luận và giải quyết các vấn đề pháp lý.
PLO3 (Kiến thức về bối cảnh xã hội và tác động pháp lý)	Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử và truyền thống dân tộc để phân tích và đánh giá sự tác động của những yếu tố này đến quá trình xây dựng, thi hành và phát triển hệ thống pháp luật

b) Về kỹ năng (Skills)

PLO4 (Kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ)	Có khả năng giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả; sử dụng phù hợp các kênh giao tiếp trực tiếp và kỹ thuật số; có khả năng sử dụng ngoại ngữ (đạt tối thiểu Bậc 3 Khung NLNNVN) trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.
PLO5 (Kỹ năng nhận thức và lập luận)	Có kỹ năng tóm tắt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật; Có tư duy phản biện trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề pháp lý; Có kỹ năng xây dựng và trình bày các lập luận pháp lý chặt chẽ, logic.
PLO6 (Kỹ năng chuyên môn và thực hành)	Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, tư vấn pháp luật; kỹ năng soạn thảo, quản lý và lưu trữ văn bản pháp lý; kỹ năng thuyết trình, diễn đạt bằng lời nói hoặc kỹ năng trình bày bằng văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý; kỹ năng phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề pháp lý; kỹ năng tranh tụng ở mức độ cơ bản.
PLO7 (Năng lực số và khai thác thông tin)	Có năng lực ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành; Vận dụng hiệu quả các công cụ số (bao gồm các ứng dụng AI phù hợp với đạo đức và pháp luật) để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và phục vụ công việc chuyên môn.
PLO8 (Kỹ năng nghiên cứu)	Có năng lực thực hiện các bước cơ bản trong quy trình nghiên cứu khoa học pháp lý, bao gồm xác định vấn đề, lập luận, thu thập, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả một cách khoa học và phù hợp.

c) Về mức độ tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility)

PLO9 (Phẩm chất và trách nhiệm nghề nghiệp)	Trung thành với Tổ quốc; có bản lĩnh, ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, đạo đức nghề luật chuẩn mực; có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; Trung thực, liêm chính, cẩn trọng, cầu thị, thấu hiểu.
--	--

PLO10 (<i>Năng lực làm việc và thích ứng</i>)	Có khả năng tổ chức và thực hiện công việc hiệu quả, sáng tạo một cách độc lập hoặc theo nhóm; có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; có khả năng thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi của môi trường pháp lý, chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường làm việc số; có khả năng duy trì sức khỏe thể chất và tinh thần.
PLO11 (<i>Năng lực học tập suốt đời</i>)	Xác định được nhu cầu học tập, chủ động lập kế hoạch và thực hiện việc tự học, tự cập nhật kiến thức, rèn luyện kỹ năng (bao gồm cả năng lực số) để không ngừng phát triển bản thân và nâng cao năng lực chuyên môn trong suốt quá trình làm việc.
PLO12 (<i>Trách nhiệm hướng dẫn</i>)	Chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm theo nhóm đối với kết quả công việc; có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

4. BẢNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
1. THÀNH PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: Các học phần thuộc thành phần giáo dục đại cương gồm 25 tín chỉ, trong đó có 21 tín chỉ các học phần bắt buộc, 04 tín chỉ các học phần tự chọn.									
1.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 21 tín chỉ									
1	Triết học Mác – Lênin	010001	BB	3	24	10	6	5	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	010002	BB	2	16	7	4	3	010001
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010003	BB	2	16	7	4	3	010002
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010004	BB	2	16	7	4	3	010003
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	010005	BB	2	16	7	4	3	010003
6	Phương pháp điều tra xã hội học	010006	BB	1	6	4	3	2	
7	Ngoại ngữ 1 (Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)								
	Tiếng Anh 1	010007	BB	3	18	12	8	7	
	Tiếng Nga 1	010008	BB	3	18	12	8	7	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
	Tiếng Pháp 1	010009	BB	3	18	12	8	7	
	Tiếng Trung 1	010010	BB	3	18	12	8	7	
	Tiếng Đức 1	010011	BB	3	18	12	8	7	
	Tiếng Nhật 1	010012	BB	3	18	12	8	7	
	Tiếng Việt Pháp lý 1 (áp dụng cho sinh viên nước ngoài)	010013	BB	3	18	12	8	7	
8	Ngoại ngữ 2 (Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)								
	Tiếng Anh 2	010014	BB	4	26	14	10	10	010007
	Tiếng Nga 2	010015	BB	4	26	14	10	10	010008
	Tiếng Pháp 2	010016	BB	4	26	14	10	10	010009
	Tiếng Trung 2	010477	BB	4	26	14	10	10	010010
	Tiếng Đức 2	010018	BB	4	26	14	10	10	010011
	Tiếng Nhật 2	010019	BB	4	26	14	10	10	010012
	Tiếng Việt Pháp lý 2 (áp dụng cho sinh viên nước ngoài)	010020	BB	4	26	14	10	10	010013
9	Tin học	010021	BB	2	12	8	5	5	
1.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 4 tín chỉ									
10	Xã hội học pháp luật	010022	TC	2	12	8	5	5	
11	Kinh tế vĩ mô	010023	TC	2	12	8	5	5	
12	Quan hệ kinh tế quốc tế	010024	TC	2	12	8	5	5	
13	Lịch sử văn minh thế giới	010025	TC	2	12	8	5	5	
14	Đại cương văn hóa Việt Nam	010026	TC	2	12	8	5	5	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
15	Tâm lý học đại cương	010027	TC	2	12	8	5	5	
16	Logic học	010028	TC	2	12	8	5	5	
17	Phương pháp học đại học ngành Luật	010594	TC	2	12	8	5	5	
2. THÀNH PHẦN CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH: 95 tín chỉ , trong đó các học phần thuộc thành phần cơ sở ngành gồm 19 tín chỉ, thành phần cốt lõi ngành gồm 76 tín chỉ.									
2.1. THÀNH PHẦN CƠ SỞ NGÀNH: Các học phần thuộc thành phần cơ sở ngành gồm 19 tín chỉ, trong đó có 17 tín chỉ các học phần bắt buộc, 02 tín chỉ các học phần tự chọn.									
2.1.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 17 tín chỉ									
18	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010030	BB	4	26	14	10	10	
19	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	BB	2	12	8	5	5	
20	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010595	BB	2	12	8	5	5	
21	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	010596	BB	2	12	8	5	5	
22	Luật hiến pháp Việt Nam	010032	BB	4	26	14	10	10	
23	Luật dân sự 1	010039	BB	3	18	12	8	7	010030
2.1.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 02 tín chỉ									
24	Luật học so sánh	010691	TC	2	12	8	5	5	010030 010032
25	Luật hiến pháp nước ngoài	010055	TC	2	12	8	5	5	010030
26	Luật La Mã	010071	TC	2	12	8	5	5	010030
27	Giới, bình đẳng giới trong chính sách và pháp luật	010535	TC	2	12	8	5	5	010030
2.2. THÀNH PHẦN CỐT LÕI NGÀNH: Các học phần thuộc thành phần cốt lõi ngành gồm 76 tín chỉ, trong đó có 53 tín chỉ các học phần bắt buộc, 23 tín chỉ các học phần tự chọn.									
2.2.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 53 tín chỉ									
28	Xây dựng văn bản pháp luật	010033	BB	2	12	8	5	5	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
29	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010689	BB	4	26	14	10	10	010030 010032
30	Luật hình sự 1	010035	BB	3	18	12	8	7	010030
31	Luật hình sự 2	010036	BB	2	12	8	5	5	010035
32	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	BB	2	12	8	5	5	010035
33	Luật tổ tụng hình sự	010038	BB	3	18	12	8	7	010035
34	Luật dân sự 2	010040	BB	2	12	8	5	5	010039
35	Luật sở hữu trí tuệ	010597	BB	2	12	8	5	5	010039
36	Luật hôn nhân và gia đình	010041	BB	3	18	12	8	7	010039
37	Luật tổ tụng dân sự	010042	BB	3	18	12	8	7	010040
38	Luật thương mại 1	010043	BB	3	18	12	8	7	010039
39	Luật thương mại 2	010044	BB	2	12	8	5	5	010043
40	Luật lao động	010045	BB	3	18	12	8	7	010040
41	Luật tài chính	010046	BB	3	18	12	8	7	010030
42	Luật đất đai	010047	BB	3	18	12	8	7	010689 010040
43	Công pháp quốc tế	010048	BB	4	26	14	10	10	010030 010032
44	Tư pháp quốc tế	010049	BB	4	26	14	10	10	
45	Pháp luật cộng đồng ASEAN	010050	BB	2	12	8	5	5	010048
46	Luật thương mại quốc tế	010051	BB	3	18	12	8	7	010044

2.2.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 23 tín chỉ (Bao gồm khóa luận tốt nghiệp tương đương 5 tín chỉ hoặc các học phần tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp). Người học lựa chọn khối kiến thức tự chọn theo một trong các định hướng sau đây:

- *Ngành Luật*: Để được công nhận tốt nghiệp cử nhân ngành Luật, người học chọn 23 tín chỉ (bao gồm cả khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tự chọn thay thế tương đương 5 tín chỉ) trong số các học phần tự chọn của ngành Luật và/hoặc của các chuyên ngành;

- *Ngành Luật – Chuyên ngành Luật sở hữu trí tuệ*: Để được công nhận tốt nghiệp cử nhân ngành Luật - Chuyên ngành Luật sở hữu trí tuệ, người học chọn 23 tín chỉ trong số các học phần tự chọn của ngành Luật và/hoặc các chuyên ngành, trong đó phải có (i) 10 tín chỉ các học phần tự chọn của Chuyên ngành Luật sở hữu trí tuệ tại mục 2.2.2.2, (ii) khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tự chọn thay thế tương đương 5 tín chỉ của chuyên ngành đó;

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
- <i>Ngành Luật – Chuyên ngành Luật thi hành án dân sự</i>: Để được công nhận tốt nghiệp cử nhân ngành Luật - Chuyên ngành Luật thi hành án dân sự, người học chọn 23 tín chỉ trong số các học phần tự chọn của ngành Luật và/hoặc các chuyên ngành, trong đó phải có (i) 10 tín chỉ các học phần tự chọn của Chuyên ngành Luật thi hành án dân sự tại mục 2.2.2.3, (ii) khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tự chọn thay thế tương đương 5 tín chỉ của chuyên ngành đó; - <i>Ngành Luật – Chuyên ngành Pháp luật và Quản trị công</i>: Để được công nhận tốt nghiệp cử nhân ngành Luật - Chuyên ngành Pháp luật và Quản trị công, người học chọn 23 tín chỉ trong số các học phần tự chọn của ngành Luật và/hoặc các chuyên ngành, trong đó phải có (i) 10 tín chỉ các học phần tự chọn của Chuyên ngành Pháp luật và Quản trị công tại mục 2.2.2.4, (ii) khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tự chọn thay thế tương đương 5 tín chỉ của chuyên ngành đó; - <i>Ngành Luật – Chuyên ngành Pháp chế</i>: Để được công nhận tốt nghiệp cử nhân ngành Luật - Chuyên ngành Pháp chế, người học chọn 23 tín chỉ trong số các học phần tự chọn của ngành Luật và/hoặc các chuyên ngành, trong đó phải có (i) 10 tín chỉ các học phần tự chọn của Chuyên ngành Pháp chế tại mục 2.2.2.5, (ii) khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tự chọn thay thế tương đương 5 tín chỉ của chuyên ngành đó. <u>Lưu ý</u>: Tên chuyên ngành sẽ được ghi trong Phụ lục văn bằng. Việc chọn chuyên ngành phải được đăng ký trước khi chọn các học phần tự chọn ở mục 2.2.2.									
2.2.2.1. KIẾN THỨC TỰ CHỌN NGÀNH LUẬT									
Kiến thức về pháp luật hiến pháp và hành chính									
47	Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân	010054	TC	2	12	8	5	5	010032
48	Luật tổ tụng hành chính	010056	TC	2	12	8	5	5	010689
49	Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật	010057	TC	2	12	8	5	5	010033
50	Luật sư, công chứng, chứng thực	010058	TC	2	12	8	5	5	010689
51	Pháp luật về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	010059	TC	2	12	8	5	5	010689
Kiến thức về pháp luật hình sự									
52	Luật hình sự quốc tế	010060	TC	2	12	8	5	5	010036
53	Tổ chức tội phạm mafia	010061	TC	2	12	8	5	5	010036

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
54	Khoa học điều tra tội phạm	010062	TC	2	12	8	5	5	010036 010038
55	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	010063	TC	2	12	8	5	5	010038
56	Tâm lý học tư pháp	010064	TC	2	12	8	5	5	010027
57	Tâm lý học tội phạm	010065	TC	2	12	8	5	5	010027
58	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	010066	TC	2	12	8	5	5	010690
59	Tư pháp đối với người chưa thành niên	010067	TC	2	12	8	5	5	010030
60	Luật thi hành án hình sự	010068	TC	3	18	12	8	7	010038
Kiến thức về pháp luật dân sự									
61	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	010070	TC	2	12	8	5	5	010040
62	Luật bình đẳng giới	010072	TC	3	18	12	8	7	010030
63	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	010073	TC	2	12	8	5	5	010042
64	Luật thi hành án dân sự	010074	TC	3	18	12	8	7	010042
65	Pháp luật về quyền nhân thân	010075	TC	2	12	8	5	5	010040
66	Pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	010076	TC	3	18	12	8	7	010040
67	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu	010077	TC	2	12	8	5	5	010040
68	Luật nhà ở	010078	TC	2	12	8	5	5	010040
69	Thực thi quyền sở hữu trí tuệ	010534	TC	2	12	8	5	5	010597
Kiến thức về pháp luật kinh tế									
70	Luật đầu tư	010079	TC	2	12	8	5	5	010043
71	Luật an sinh xã hội	010080	TC	2	12	8	5	5	010032

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
72	Luật ngân hàng	010081	TC	3	18	12	8	7	010030
73	Luật chứng khoán	010082	TC	3	18	12	8	7	010030
74	Luật kinh doanh bảo hiểm	010083	TC	3	18	12	8	7	010030
75	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010084	TC	3	18	12	8	7	010043
76	Luật môi trường	010085	TC	3	18	12	8	7	010689
77	Luật môi trường trong kinh doanh	010086	TC	2	12	8	5	5	010689
78	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	010087	TC	2	12	8	5	5	010047
79	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010088	TC	2	12	8	5	5	010047
80	Pháp luật về người khuyết tật	010089	TC	2	12	8	5	5	010032
81	Pháp luật về quản trị nhân sự	000408	TC	3	18	12	8	7	010045
82	Luật Tài nguyên thiên nhiên	010536	TC	2	12	8	5	5	010032
Kiến thức về pháp luật quốc tế và thương mại quốc tế									
83	Luật biển quốc tế	010091	TC	3	18	12	8	7	010048
84	Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người	010092	TC	3	18	12	8	7	010048
85	Pháp luật về điều ước quốc tế	010093	TC	2	12	8	5	5	010048
86	Pháp luật về đấu thầu	010094	TC	2	12	8	5	5	010044
87	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	010095	TC	2	12	8	5	5	010049
88	Pháp luật về trọng tài thương mại	010097	TC	3	18	12	8	7	010049

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
89	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	010098	TC	2	12	8	5	5	010049
90	Pháp luật Liên minh châu Âu	010099	TC	3	18	12	8	7	010048
91	Luật môi trường quốc tế	010323	TC	2	12	8	5	5	010048
92	Các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	010600	TC	3	18	12	8	7	010030
Các học phần kỹ năng									
93	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	010100	TC	2	12	8	5	5	
94	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	010101	TC	3	18	12	8	7	010689
95	Kỹ năng thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật	010102	TC	2	12	8	5	5	010033
96	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	010103	TC	2	12	8	5	5	010689
97	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	010104	TC	2	12	8	5	5	010035 010036
98	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	010105	TC	2	12	8	5	5	010040
99	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	010106	TC	2	12	8	5	5	010041
100	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	010107	TC	2	12	8	5	5	010597
101	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong	010108	TC	3	18	12	8	7	010043 010044

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
	linh vực thương mại								
102	Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010109	TC	2	12	8	5	5	010045
103	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	010110	TC	3	18	12	8	7	010047
104	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp	010111	TC	2	12	8	5	5	010046
105	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng	010112	TC	3	18	12	8	7	010040
106	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	010113	TC	2	12	8	5	5	010689
107	Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tổ tụng hình sự	010114	TC	3	18	12	8	7	010038
108	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	010115	TC	3	18	12	8	7	010042
109	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ	010116	TC	2	12	8	5	5	010030
110	Lễ tân, ngoại giao trong nghề luật	010598	TC	2	12	8	5	5	
Khóa luận tốt nghiệp (Thực hiện vào năm thứ 4 của khóa học)									
111	Khóa luận tốt nghiệp (ngành Luật)	010599	TC	5	0	0	0	225	

2.2.2.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN NGÀNH LUẬT - CHUYÊN NGÀNH LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ: 15 tín chỉ (gồm 10 tín chỉ tự chọn dưới đây và 5 tín chỉ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Luật Sở hữu trí tuệ thay thế Khóa luận tốt nghiệp).

Kiến thức chuyên ngành

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
112	Pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan quốc tế	010538	TC	2	12	8	5	5	010597
113	Pháp luật quyền sở hữu công nghiệp quốc tế	010539	TC	3	18	12	8	7	010597
114	Quản lý tài sản trí tuệ	010533	TC	3	18	12	8	7	010597
115	Quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	010600	TC	2	12	8	5	5	010597
116	Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ	010537	TC	2	12	8	5	5	010597
117	Cơ chế giải quyết tranh chấp và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	010602	TC	3	18	12	8	7	010597
Kỹ năng chuyên ngành									
118	Kỹ năng tra cứu và khai thác thông tin sở hữu công nghiệp	010540	TC	2	12	8	5	5	010597
Khóa luận tốt nghiệp (Thực hiện vào năm thứ 4 của khóa học)									
119	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Luật Sở hữu trí tuệ)	010603	TC	5	0	0	0	225	
2.2.2.3. KIẾN THỨC TỰ CHỌN NGÀNH LUẬT - CHUYÊN NGÀNH LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ: 15 tín chỉ (gồm 10 tín chỉ tự chọn dưới đây và 5 tín chỉ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự thay thế Khóa luận tốt nghiệp).									
Kiến thức chuyên ngành									
120	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự	010543	TC	2	12	8	5	5	010074

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
121	Áp dụng pháp luật dân sự trong quá trình thi hành án dân sự	010544	TC	3	18	12	8	7	010040
122	Áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình trong quá trình thi hành án dân sự	010545	TC	2	12	8	5	5	010041
Kỹ năng chuyên ngành									
123	Kỹ năng chung về thi hành án dân sự	010546	TC	2	12	8	5	5	010074
124	Kỹ năng tổ chức thi hành án dân sự đối với một số loại án điển hình	010541	TC	3	18	12	8	7	010074
125	Kỹ năng áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự	010548	TC	3	18	12	8	7	010074
126	Kỹ năng thực hiện hoạt động của thừa phát lại trong thi hành án dân sự	010549	TC	2	12	8	5	5	010074
Khóa luận tốt nghiệp (Thực hiện vào năm thứ 4 của khóa học)									
127	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự)	010604	TC	5	0	0	0	225	
2.2.2.4. KIẾN THỨC TỰ CHỌN NGÀNH LUẬT - CHUYÊN NGÀNH PHÁP LUẬT VÀ QUẢN TRỊ CÔNG: 15 tín chỉ (gồm 10 tín chỉ tự chọn dưới đây và 5 tín chỉ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Pháp luật và Quản trị công thay thế Khóa luận tốt nghiệp).									
Kiến thức chuyên ngành									
128	Pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến	010553	TC	2	12	8	5	5	010032
129	Luật và Chính sách công	010555	TC	2	12	8	5	5	010030 010033

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
130	Pháp luật và dân chủ trong quản trị công	010556	TC	2	12	8	5	5	010030
131	Pháp luật và quản trị công trong lịch sử	010557	TC	2	12	8	5	5	010688
132	Pháp luật về quản trị nông thôn và đô thị	010558	TC	2	12	8	5	5	010032
133	Pháp luật về quản trị tổ chức và nhân sự trong khu vực công	010560	TC	3	18	12	8	7	010689
134	Chính phủ điện tử	010562	TC	2	12	8	5	5	010689
135	Quan hệ công chúng trong xây dựng và thực hiện pháp luật	010566	TC	2	12	8	5	5	
Kỹ năng chuyên ngành									
136	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	010567	TC	2	12	8	5	5	010689
Khóa luận tốt nghiệp (Thực hiện vào năm thứ 4 của khóa học)									
137	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Pháp luật và quản trị công)	010605	TC	5	0	0	0	225	
2.2.2.5. KIẾN THỨC TỰ CHỌN NGÀNH LUẬT, CHUYÊN NGÀNH PHÁP CHẾ: 15 tín chỉ (gồm 10 tín chỉ tự chọn dưới đây và 5 tín chỉ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Pháp chế thay thế Khóa luận tốt nghiệp).									
Kiến thức chuyên ngành									
138	Tổ chức và hoạt động pháp chế	010336	TC	2	12	8	5	5	010032
139	Quyền cơ bản theo Hiến pháp Việt Nam	010554	TC	3	18	12	8	7	010032
140	Pháp luật về thực hành tiết kiệm và	010338	TC	2	12	8	5	5	010689

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
	phòng, chống tham nhũng								
Kỹ năng chuyên ngành									
141	Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	010343	TC	2	12	8	5	5	010030
142	Kỹ năng theo dõi thi hành pháp luật	010344	TC	2	12	8	5	5	010030
143	Kỹ năng rà soát, hệ thống hoá và pháp điển quy phạm pháp luật	010348	TC	2	12	8	5	5	010030 010033
144	Kỹ năng kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật	010349	TC	2	12	8	5	5	010033
Khóa luận tốt nghiệp (Thực hiện vào năm thứ 4 của khóa học)									
145	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Pháp chế)	010606	TC	5	0	0	0	225	
3. THÀNH PHẦN THỰC TẬP, TRẢI NGHIỆM: 09 tín chỉ, gồm 02 tín chỉ tự chọn và 07 tín chỉ bắt buộc									
Thực tập, trải nghiệm tự chọn: 2 tín chỉ									
146	Thực tập 1 ¹	010609	TC	2					
147	Phiên tòa giả định	010610	TC	2	12	8	5	5	
148	Thực hành hòa giải, đàm phán	010612	TC	2	12	8	5	5	
Thực tập, trải nghiệm bắt buộc: 7 tín chỉ									
149	Thực tập 2 ²	010614	BB	5					
150	Trải nghiệm	010615	BB	2	12	8	5	5	

5. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Người học được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

¹ Thực tập 1 thực hiện từ năm thứ 2 của khóa học

² Thực tập 2 thực hiện vào năm thứ 4 của khóa học

d) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

e) Có đơn gửi phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

6. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO³

6.1. Tiến trình đào tạo VB1 hình thức đào tạo chính quy (Tối đa 8 học kỳ)

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
HK 1	½ khoá đầu 16 TC	Triết học Mác –Lênin	010001	1	3	BB	
		Lý luận về nhà nước và pháp luật	010030	1	4	BB	
		Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	1,2,3	2	BB	
		Luật hiến pháp Việt Nam	010032	1	4	BB	
		Phương pháp điều tra xã hội học	010006	1,2,3	1	BB	
		Tin học	010021	1,2,3	2	BB	
	½ khoá sau 17TC	Triết học Mác –Lênin	010001	1	3	BB	
		Lý luận về nhà nước và pháp luật	010030	1	4	BB	
		Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	1,2,3	2	BB	
		Luật hiến pháp Việt Nam	010032	1	4	BB	
		Nghề luật và đạo đức nghề luật	010595	1,2,3	2	BB	
		Tin học	010021	1,2,3	2	BB	
HK 2	½ khoá đầu 15 TC	Ngoại ngữ 1 (Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)					
		Tiếng Anh 1	010007		3	BB	
		Tiếng Nga 1	010008		3	BB	
		Tiếng Pháp 1	010009		3	BB	
		Tiếng Trung 1	010010		3	BB	
		Tiếng Đức 1	010011		3	BB	
		Tiếng Nhật 1	010012		3	BB	
		Tiếng Việt Pháp lý 1 (áp dụng cho sinh viên nước ngoài)	010013		3	BB	

³ Tùy thuộc vào điều kiện thực tế, Hiệu trưởng có thể xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến trình đào tạo so với tiến trình đã được quy định trong Chương trình đào tạo.

HK 3		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	010002	1,2,3	2	BB	010001	
		Luật dân sự 1	010039	1	3	BB	010030	
		Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010689	1	4	BB	010030 010032	
		Luật hình sự 1	010035	1	3	BB	010030	
		Giáo dục thể chất			3	BB		Không tính vào tổng TC
	½ khoá sau 16 TC	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	010002	1,2,3	2	BB	010001	
		Luật dân sự 1	010039	1	3	BB	010030	
		Phương pháp điều tra xã hội học	010006	1,2,3	1	BB		
		Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010689	1	4	BB	010030 010032	
		Luật hình sự 1	010035	1	3	BB	010030	
		Giáo dục thể chất			3	BB		Không tính vào tổng TC
	Phần tự chọn đại cương	Chọn 04 TC thuộc khối học phần giáo dục đại cương trong các học phần tự chọn sau:						
		Xã hội học pháp luật	010022	1,2,3	2	TC		
		Kinh tế vĩ mô	010023	1,2,3	2	TC		
		Quan hệ kinh tế quốc tế	010024	1,2,3	2	TC		
		Lịch sử văn minh thế giới	010025	1,2,3	2	TC		
		Đại cương văn hóa Việt Nam	010026	1,2,3	2	TC		
		Tâm lý học đại cương	010027	1,2,3	2	TC		
		Logic học	010028	1,2,3	2	TC		
		Phương pháp học đại học ngành luật	010594	1,2,3	2	TC		
	½ khoá đầu 16 TC	Ngoại ngữ 2 (Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)						
		Tiếng Anh 2	010014	1	4	BB	010007	
		Tiếng Nga 2	010015	1	4	BB	010008	
		Tiếng Pháp 2	010016	1	4	BB	010009	
		Tiếng Trung 2	010477	1	4	BB	010010	
		Tiếng Đức 2	010018	1	4	BB	010011	
		Tiếng Nhật 2	010019	1	4	BB	010012	
		Tiếng Việt Pháp lý 2 (áp dụng cho sinh viên nước ngoài)	010020	1	4	BB	010013	
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	010003	1	2	BB	010002	
		Luật hình sự 2	010036	1,2,3	2	BB	010035	
		Luật dân sự 2	010040	1,2,3	2	BB	010039	

		Luật hôn nhân và gia đình	010041	1	3	BB	010039	
		Luật thương mại 1	010043	1	3	BB	010039	
½ khoá sau 14 TC	Ngoại ngữ 1 <i>(Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)</i>							
		Tiếng Anh 1	010007	1	3	BB		
		Tiếng Nga 1	010008	1	3	BB		
		Tiếng Pháp 1	010009	1	3	BB		
		Tiếng Trung 1	010010	1	3	BB		
		Tiếng Đức 1	010011	1	3	BB		
		Tiếng Nhật 1	010012	1	3	BB		
		Tiếng Việt Pháp lý 1 (áp dụng cho sinh viên nước ngoài)	010013	1	3	BB		
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	010003	1	2	BB	010002	
		Xây dựng văn bản pháp luật	010033	1,2,3	2	BB		
		Luật hình sự 2	010036	1,2,3	2	BB	010035	
		Luật dân sự 2	010040	1,2,3	2	BB	010039	
		Luật thương mại 1	010043	1	3	BB	010039	
Phần tự chọn cơ sở ngành và cốt lõi ngành	Chọn 02 TC thuộc thành phần cơ sở ngành và 02 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần tự chọn sau:							
	Chọn 02 TC thuộc thành phần cơ sở ngành							
		Luật học so sánh	010691	1,2,3	2	TC	010030 010032	
		Luật hiến pháp nước ngoài	010055	1,2,3	2	TC	010030	
		Luật La Mã	010071	1,2,3	2	TC	010030	
		Giới, bình đẳng giới trong chính sách và pháp luật	010535	1,2,3	2	TC	010030	
	02 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành							
		Luật tổ tụng hành chính	010056	1,2,3	2	TC	010689	
		Luật sư, công chứng, chứng thực	010058	1,2,3	2	TC	010689	
		Tâm lý học tư pháp	010064	1,2,3	2	TC	010027	
		Tâm lý học tội phạm	010065	1,2,3	2	TC	010027	
		Pháp luật về phòng chống tham nhũng	010066	1,2,3	2	TC	010690	
		Tư pháp đối với người chưa thành niên	010067	1,2,3	2	TC	010030	
		Luật môi trường	010085	1,2,3	3	TC	010689	

		Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	010100	1,2,3	2	TC		
		Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ	010116	1,2,3	2	TC	010030	
HK4	½ khoá đầu 16 TC	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010004	1,2,3	2	BB	010003	
		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	010005	1,2,3	2	BB	010003	
		Nghề luật và đạo đức nghề luật	010595	1,2,3	2	BB		
		Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	1	2	BB	010035	
		Xây dựng văn bản pháp luật	010033	1,2,3	2	BB		
		Luật thương mại 2	010044	1,2,3	2	BB	010043	
		Công pháp quốc tế	010048	1	4	BB	010030 010032	
		Giáo dục Quốc phòng – An ninh				BB		Không tính vào tổng TC
	½ khoá sau 16 TC	Ngoại ngữ 2 (Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)						
		Tiếng Anh 2	010014	1	4	BB	010007	
		Tiếng Nga 2	010015	1	4	BB	010008	
		Tiếng Pháp 2	010016	1	4	BB	010009	
		Tiếng Trung 2	010477	1	4	BB	010010	
		Tiếng Đức 2	010018	1	4	BB	010011	
		Tiếng Nhật 2	010019	1	4	BB	010012	
		Tiếng Việt Pháp lý 2 (áp dụng cho sinh viên nước ngoài)	010020	1	4	BB	010013	
		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	010005	1,2,3	2	BB	010003	
		Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	1,2,3	2	BB	010035	
		Luật tố tụng hình sự	010038	1	3	BB	010035	
		Luật hôn nhân và gia đình	010041	1	3	BB	010039	
		Luật thương mại 2	010044	1,2,3	2	BB	010043	
		Giáo dục Quốc phòng – An ninh				BB		Không tính vào tổng TC
	Phần tự chọn cốt lõi ngành	Chọn 02 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
		Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân	010054	1,2,3	2	TC	010032	
		Pháp luật về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	010059	1,2,3	2	TC	010689	

		Luật hình sự quốc tế	010060	1,2,3	2	TC	010036	
		Tổ chức tội phạm mafia	010061	1,2,3	2	TC	010036	
		Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	010070	1,2,3	2	TC		
		Pháp luật về quyền nhân thân	010075	1,2,3	2	TC	010040	
		Luật đầu tư	010079	1,2,3	2	TC	010043	
		Luật ngân hàng	010081	1,2,3	3	TC	010043	
		Luật môi trường trong kinh doanh	010086	1,2,3	2	TC	010689	
		Pháp luật về người khuyết tật	010089	1,2,3	2	TC	010032	
		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	010103	1,2,3	2	TC	010689	
		Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	010113	1,2,3	2	TC	010689	
HK5	½ khoá đầu 19 TC	Luật tổ tụng hình sự	010038	1	3	BB	010035	
		Luật tổ tụng dân sự	010042	1	3	BB	010040	
		Luật lao động	010045	1	3	BB	010040	
		Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	010596	1,2,3	2	BB		
		Luật sở hữu trí tuệ	010597	1,2,3	2	BB	010039	
		Trải nghiệm	010615	1,2,3	2	BB		
	½ khoá sau 19 TC	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010004	1,2,3	2	BB	010003	
		Công pháp quốc tế	010048	1	4	BB	010030 010032	
		Tư pháp quốc tế	010049	1	4	BB		
		Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	010596	1,2,3	2	BB		
		Luật đất đai	010047	1	3	BB	010689 010040	
	Phần tự chọn cốt lõi ngành	Tự chọn chuyên ngành: 04 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành (Chọn 1 trong 5 nhóm học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc Ngành luật/ Ngành Luật sở hữu trí tuệ/ Ngành Luật thi hành án dân sự/ Ngành Pháp luật và Quản trị công/ Ngành Pháp chế)						
		Nhóm 1: Đối với người học theo học Ngành Luật Chọn 04 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
		Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật	010057	1,2,3	2	TC	010033	
		Khoa học điều tra tội phạm	010062	1,2,3	2	TC	010036 010038	

	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	010063	1,2,3	2	TC	010038	
	Luật bình đẳng giới	010072	1,2,3	3	TC	010030	
	Pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	010076	1,2,3	3	TC	010040	
	Luật chứng khoán	010082	1,2,3	3	TC	010043	
	Luật kinh doanh bảo hiểm	010083	1,2,3	3	TC	010043	
	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	010101	1,2,3	3	TC	010689	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	010104	1,2,3	2	TC	010035 010036	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	010106	1,2,3	2	TC	010041	
<u>Nhóm 2: Đối với người học theo học ngành Luật - Chuyên ngành Luật sở hữu trí tuệ</u>							
<i>Chọn 04 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:</i>							
	Pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan quốc tế	010538	1,2,3	2	TC	010597	
	Quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	010600	1,2,3	2	TC	010597	
	Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ	010537	1,2,3	2	TC	010597	
<u>Nhóm 3: Đối với người học theo học ngành Luật - Chuyên ngành Luật thi hành án dân sự</u>							
<i>Chọn 04 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:</i>							
	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự	010543	1,2,3	2	TC	010074	
	Kỹ năng chung về thi hành án dân sự	010546	1,2,3	2	TC	010074	
	Kỹ năng thực hiện hoạt động của thừa phát lại trong thi hành án dân sự	010549	1,2,3	2	TC	010074	
<u>Nhóm 4: Đối với người học theo học ngành Luật - Chuyên ngành Pháp luật và quản trị công</u>							
<i>Chọn 04 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:</i>							
	Pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến	010553	1,2,3	2	TC	010032	
	Luật và Chính sách công	010555	1,2,3	2	TC	010030 010033	
	Pháp luật và dân chủ trong quản trị công	010556	1,2,3	2	TC	010030	

		Pháp luật và quản trị công trong lịch sử	010557	1,2,3	2	TC	010688	
		Nhóm 5: Đối với người học theo học ngành Luật - Chuyên ngành Pháp chế Chọn 04 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
		Tổ chức và hoạt động pháp chế	010336	1,2,3	2	TC	010032	
		Pháp luật về thực hành tiết kiệm và phòng, chống tham nhũng	010338	1,2,3	2	TC	010689	
HK6	½ khoá đầu 17 TC	Luật tài chính	010046	1	3	BB	010030	
		Tư pháp quốc tế	010049	1	4	BB		
		Pháp luật cộng đồng ASEAN	010050	1,2,3	2	BB	010048	
		Luật đất đai	010047	1	3	BB	010689 010040	
		Luật thương mại quốc tế	010051	1	3	BB	010044	
	½ khoá sau 18 TC	Luật lao động	010045	1	3	BB	010040	
		Luật tổ tụng dân sự	010042	1	3	BB	010040	
		Luật tài chính	010046	1	3	BB	010030	
		Pháp luật cộng đồng ASEAN	010050	1,2,3	2	BB	010048	
		Luật sở hữu trí tuệ	010597	1,2,3	2	BB	010039	
		Luật thương mại quốc tế	010051	1	3	BB	010044	
		Trải nghiệm	010615	1,2,3	2	BB		
	Phần tự chọn cốt lõi ngành	Chọn 02 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
		Thực thi quyền sở hữu trí tuệ	010534	1,2,3	2	TC	010597	
		Luật thi hành án hình sự	010068	1,2,3	3	TC	010038	
		Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	010073	1,2,3	2	TC	010042	
		Luật thi hành án dân sự	010074	1,2,3	3	TC	010040	
		Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010084	1,2,3	3	TC	010043	
		Pháp luật về đấu thầu	010094	1,2,3	3	TC	010044	
		Kỹ năng thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật	010102	1,2,3	2	TC	010033	
		Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	010107		2	TC	010069	
		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	010105	1,2,3	2	TC	010040	
HK7	Thực tập,	Thực tập 2	010614		5	BB		

	Luật Tài nguyên thiên nhiên	010536	1,2,3	2	TC	010032	
	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	010098	1,2,3	2	TC	010049	
	Các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	010600	1,2,3	3	TC	010030	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010109	1,2,3	2	TC	010045	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010108	1,2,3	3	TC	010043 010044	
	Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tổ tụng hình sự	010114	1,2,3	3	TC	010038	
<i>Ngành Luật - Chuyên ngành Luật Sở hữu trí tuệ</i>							
	Cơ chế giải quyết tranh chấp và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	010602	1,2,3	3	TC	010597	
	Kỹ năng tra cứu và khai thác thông tin sở hữu công nghiệp	010540	1,2,3	2	TC	010597	
<i>Ngành Luật - Chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự</i>							
	Áp dụng pháp luật dân sự trong quá trình thi hành án dân sự	010544	1,2,3	3	TC	010040	
	Áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình trong quá trình thi hành án dân sự	010545	1,2,3	2	TC	010041	
<i>Ngành Luật - Chuyên ngành Pháp luật và quản trị công</i>							
	Pháp luật về quản trị tổ chức và nhân sự trong khu vực công	010560	1,2,3	3	TC	010689	
	Chính phủ điện tử	010562	1,2,3	2	TC	010689	
<i>Ngành Luật - Chuyên ngành Pháp chế</i>							
	Quyền cơ bản theo Hiến pháp Việt Nam	010554	1,2,3	3	TC	010032	
	Kỹ năng kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật	010349	1,2,3	2	TC	010033	

6.2. Tiến trình đào tạo VB2 hình thức đào tạo chính quy (Tối đa 5 học kỳ)

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
HK1 21TC	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010030	1	4	BB		
	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	1,2,3	2	BB		
	Luật hiến pháp Việt Nam	010032	1	4	BB		
	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010689	1	4	BB	010030 010032	
	Luật hình sự 1	010035	1	3	BB	010030	
	Luật dân sự 1	010039	1	3	BB	010030	
	Phương pháp điều tra xã hội học	010006	1,2,3	1	BB		
HK2 21TC	Luật hình sự 2	010036	1,2,3	2	BB	010035	
	Luật dân sự 2	010040	1,2,3	2	BB	010039	
	Xây dựng văn bản pháp luật	010033	1,2,3	2	BB		
	Luật thương mại 1	010043	1	3	BB	010039	
	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010595	1,2,3	2	BB		
	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	1	2	BB	010035	
	Công pháp quốc tế	010048	1	4	BB	010030 010032	
	Chọn 04 TC thuộc khối học phần giáo dục đại cương trong các học phần tự chọn sau:						
	Xã hội học pháp luật	010022	1,2,3	2	TC		
	Kinh tế vĩ mô	010023	1,2,3	2	TC		
	Quan hệ kinh tế quốc tế	010024	1,2,3	2	TC		
	Lịch sử văn minh thế giới	010025	1,2,3	2	TC		
	Đại cương văn hóa Việt Nam	010026	1,2,3	2	TC		
	Tâm lý học đại cương	010027	1,2,3	2	TC		
	Logic học	010028	1,2,3	2	TC		
	Phương pháp học đại học ngành Luật	010594	1,2,3	2	TC		
HK3 21TC	Luật hôn nhân và gia đình	010041	1	3	BB	010039	
	Luật thương mại 2	010044	1,2,3	2	BB	010043	
	Luật tố tụng hình sự	010038	1	3	BB	010035	
	Luật tố tụng dân sự	010042	1	3	BB	010040	

	Luật lao động	010045	1	3	BB	010040	
	Luật đất đai	010047	1	3	BB	010689 010040	
	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	010596	1,2,3	2	BB		
	Chọn 02 TC thuộc thành phần cơ sở ngành trong các học phần tự chọn sau:						
	Luật học so sánh	010691	1,2,3	2	TC	010030 010032	
	Luật hiến pháp nước ngoài	010055	1,2,3	2	TC	010030	
	Luật La Mã	010071	1,2,3	2	TC	010030	
	Giới, bình đẳng giới trong chính sách và pháp luật	010535	1,2,3	2	TC	010030	
HK4 20TC	Tư pháp quốc tế	010049	1	4	BB		
	Pháp luật cộng đồng ASEAN	010050	1,2,3	2	BB	010048	
	Luật thương mại quốc tế	010051	1	3	BB	010044	
	Luật sở hữu trí tuệ	010597	1,2,3	2	BB	010039	
	Luật tài chính	010046	1	3	BB	010030	
	Chọn 06TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
	Luật tổ tụng hành chính	010056	1,2,3	2	TC	010689	
	Luật sư, công chứng, chứng thực	010058	1,2,3	2	TC	010689	
	Tâm lý học tư pháp	010064	1,2,3	2	TC	010027	
	Tâm lý học tội phạm	010065	1,2,3	2	TC	010027	
	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	010066	1,2,3	2	TC	010690	
	Tư pháp đối với người chưa thành niên	010067	1,2,3	2	TC	010030	
	Luật môi trường	010085	1,2,3	3	TC	010689	
	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	010100	1,2,3	2	TC		
	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ	010116	1,2,3	2	TC	010030	
	Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân	010054	1,2,3	2	TC	010032	
	Pháp luật về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	010059	1,2,3	2	TC	010689	
	Luật hình sự quốc tế	010060	1,2,3	2	TC	010036	
	Tổ chức tội phạm mafia	010061	1,2,3	2	TC	010036	
	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	010070	1,2,3	2	TC		

	Pháp luật về quyền nhân thân	010075	1,2,3	2	TC	010040	
	Thực thi quyền sở hữu trí tuệ	010534	1,2,3	2	TC	010597	
	Luật đầu tư	010079	1,2,3	2	TC	010043	
	Luật ngân hàng	010081	1,2,3	3	TC	010043	
	Luật môi trường trong kinh doanh	010086	1,2,3	2	TC	010689	
	Pháp luật về người khuyết tật	010089	1,2,3	2	TC	010032	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	010103	1,2,3	2	TC	010689	
	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	010113	1,2,3	2	TC	010689	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	010104	1,2,3	2	TC	010035 010036	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	010106	1,2,3	2	TC	010041	
	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	010107	1,2,3	2	TC	010069	
	Lễ tân, ngoại giao trong nghề luật	010598	1,2,3	2	TC		
HK5 26TC	Trải nghiệm	010615	1,2,3	2	BB		
	Thực tập 2	010614		5	BB		
	Thực tập, trải nghiệm tự chọn: Chọn 02 tín chỉ trong 03 học phần sau:						
	Thực tập 1	010609		2	TC		
	Phiên tòa giả định	010610		2	TC		
	Thực hành hòa giải, đàm phán	010612		2	TC		
	Chọn 02TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
	Thực thi quyền sở hữu trí tuệ	010534	1,2,3	2	TC	010597	
	Luật thi hành án hình sự	010068	1,2,3	3	TC	010038	
	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	010073	1,2,3	2	TC	010042	
	Luật thi hành án dân sự	010074	1,2,3	3	TC	010040	
	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010084	1,2,3	3	TC	010043	
	Pháp luật về đầu thầu	010094	1,2,3	2	TC	010044	
	Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật	010057	1,2,3	2	TC	010033	

Khoa học điều tra tội phạm	010062	1,2,3	2	TC	010036 010038	
Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	010063	1,2,3	2	TC	010038	
Luật bình đẳng giới	010072	1,2,3	3	TC	010030	
Pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	010076	1,2,3	3	TC	010040	
Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu	010077	1,2,3	2	TC	010040	
Luật nhà ở	010078	1,2,3	2	TC	010040	
Luật chứng khoán	010082	1,2,3	3	TC	010043	
Luật kinh doanh bảo hiểm	010083	1,2,3	3	TC	010043	
Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	010101	1,2,3	3	TC	010689	
Kỹ năng thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật	010102	1,2,3	2	TC	010033	
Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	010105	1,2,3	2	TC	010040	
Các học phần tự chọn: 10 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành của ngành Luật/Chuyên ngành <u>Nhóm 1: Đối với sinh viên theo học ngành Luật</u> <i>Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc ngành Luật hoặc các chuyên ngành dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật:</i>						
Luật an sinh xã hội	010080	1,2,3	2	TC	010032	
Pháp luật về kinh doanh bất động sản	010087	1,2,3	2	TC	010047	
Pháp luật về quản trị nhân sự	000408	1,2,3	3	TC	010045	
Luật biển quốc tế	010091	1,2,3	3	TC	010048	
Pháp luật về điều ước quốc tế	010093	1,2,3	2	TC	010048	
Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	010095	1,2,3	2	TC	010049	
Pháp luật Liên minh châu Âu	010099	1,2,3	3	TC	010048	
Luật môi trường quốc tế	010323	1,2,3	2	TC	010048	
Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	010110	1,2,3	2	TC	010047	

Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	010115	1,2,3	3	TC	010042	
<u>Nhóm 2: Đối với sinh viên theo học ngành Luật - chuyên ngành Luật sở hữu trí tuệ</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc chuyên ngành Luật Sở hữu trí tuệ dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật, chuyên ngành Luật Sở hữu trí tuệ:						
Pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan quốc tế	010538	1,2,3	2	TC	010597	
Pháp luật quyền sở hữu công nghiệp quốc tế	010539	1,2,3	3	TC	010597	
Quản lý tài sản trí tuệ	010533	1,2,3	3	TC	010597	
Quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	010600	1,2,3	2	TC	010597	
Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ	010537	1,2,3	2	TC	010597	
<u>Nhóm 3: Đối với sinh viên theo học ngành Luật – Chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật, chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự:						
Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự	010543	1,2,3	2	TC	010074	
Kỹ năng chung về thi hành án dân sự	010546	1,2,3	2	TC	010074	
Kỹ năng tổ chức thi hành án dân sự đối với một số loại án điển hình	010541	1,2,3	3	TC	010074	
Kỹ năng áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự	010548	1,2,3	3	TC	010074	
Kỹ năng thực hiện hoạt động của thừa phát lại trong thi hành án dân sự	010549	1,2,3	2	TC	010074	
<u>Nhóm 4: Đối với sinh viên theo học ngành Luật – Chuyên ngành Pháp luật và Quản trị công</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc chuyên ngành Pháp luật và quản trị công dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật, chuyên ngành Pháp luật và quản trị công:						
Pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến	010553	1,2,3	2	TC	010032	
Luật và Chính sách công	010555	1,2,3	2	TC	010030 010033	
Pháp luật và dân chủ trong quản trị công	010556	1,2,3	2	TC	010030	

Pháp luật và quản trị công trong lịch sử	010557	1,2,3	2	TC	010688	
Pháp luật về quản trị nông thôn và đô thị	010558	1,2,3	2	TC	010032	
Quan hệ công chúng trong xây dựng và thực hiện pháp luật	010566	1,2,3	2	TC		
Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	010567	1,2,3	2	TC	010689	
<u>Nhóm 5: Đối với sinh viên theo học ngành Luật – Chuyên ngành Pháp chế</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc chuyên ngành Pháp chế dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật, chuyên ngành Pháp chế:						
Tổ chức và hoạt động pháp chế	010336	1,2,3	2	TC	010032	
Pháp luật về thực hành tiết kiệm và phòng, chống tham nhũng	010338	1,2,3	2	TC	010689	
Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	010343	1,2,3	2	TC	010030	
Kỹ năng theo dõi thi hành pháp luật	010344	1,2,3	2	TC	010030	
Kỹ năng rà soát, hệ thống hoá và pháp điển quy phạm pháp luật	010348	1,2,3	2	TC	010030 010033	
Khóa luận tốt nghiệp:			5	TC		
Sinh viên chọn viết Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật hoặc chuyên ngành chuyên sâu (nếu đủ điều kiện theo quy định của Trường) hoặc đăng ký học và thi các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và cốt lõi ngành tương ứng: 05TC trong các học phần dưới đây						
<u>Ngành Luật</u>						
Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010088	1,2,3	2	TC	010047	
Luật Tài nguyên thiên nhiên	010536	1,2,3	2	TC	010032	
Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người	010092	1,2,3	3	TC	010048	
Pháp luật về trọng tài thương mại	010097	1,2,3	3	TC	010049	
Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	010098	1,2,3	2	TC	010049	
Các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	010600	1,2,3	3	TC	010030	

Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010109	1,2,3	2	TC	010045	
Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010108	1,2,3	3	TC	010043 010044	
Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp	010111	1,2,3	2	TC	010046	
Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng	010112	1,2,3	3	TC	010040 010043 010045	
Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tổ tụng hình sự	010114	1,2,3	3	TC	010038	
<i>Ngành Luật - Chuyên ngành Luật Sở hữu trí tuệ</i>						
Cơ chế giải quyết tranh chấp và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	010602	1,2,3	3	TC	010597	
Kỹ năng tra cứu và khai thác thông tin sở hữu công nghiệp	010540	1,2,3	2	TC	010030	
<i>Ngành Luật - Chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự</i>						
Áp dụng pháp luật dân sự trong quá trình thi hành án dân sự	010544	1,2,3	3	TC	010040	
Áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình trong quá trình thi hành án dân sự	010545	1,2,3	2	TC	010041	
<i>Ngành Luật - Chuyên ngành Pháp luật và quản trị công</i>						
Pháp luật về quản trị tổ chức và nhân sự trong khu vực công	010560	1,2,3	3	TC	010689	
Chính phủ điện tử	010562	1,2,3	2	TC	010689	
<i>Ngành Luật - Chuyên ngành Pháp chế</i>						
Quyền cơ bản theo Hiến pháp Việt Nam	010554	1,2,3	3	TC	010032	
Kỹ năng kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật	010349	1,2,3	2	TC	010033	

6.3. Tiến trình đào tạo VB1 hình thức đào tạo vừa làm vừa học (Tối đa 10 học kỳ)

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
HK1 15 TC	Triết học Mác –Lênin	010001	1	3	BB		
	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010030	1	4	BB		
	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	1,2,3	2	BB		
	Luật hiến pháp Việt Nam	010032	1	4	BB		
	Tin học	010021	1,2,3	2	BB		
HK2 14 TC	Ngoại ngữ 1 (Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)						
	Tiếng Anh 1	010007	1	3	BB		
	Tiếng Nga 1	010008	1	3	BB		
	Tiếng Pháp 1	010009	1	3	BB		
	Tiếng Trung 1	010010	1	3	BB		
	Tiếng Đức 1	010011	1	3	BB		
	Tiếng Nhật 1	010012	1	3	BB		
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	010002	1,2,3	2	BB	010001	
	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010595	1,2,3	2	BB		
	Phương pháp điều tra xã hội học	010006	1,2,3	1	BB		
	Chọn 04 TC thuộc khối học phần giáo dục đại cương trong các học phần tự chọn sau:						
	Xã hội học pháp luật	010022	1,2,3	2	TC		
	Kinh tế vĩ mô	010023	1,2,3	2	TC		
	Quan hệ kinh tế quốc tế	010024	1,2,3	2	TC		
	Lịch sử văn minh thế giới	010025	1,2,3	2	TC		
	Đại cương văn hóa Việt Nam	010026	1,2,3	2	TC		
	Tâm lý học đại cương	010027	1,2,3	2	TC		
	Logic học	010028	1,2,3	2	TC		
	Phương pháp học đại học ngành Luật	010594	1,2,3	2	TC		
	Chọn 02 TC thuộc thành phần cơ sở ngành trong các học phần tự chọn sau:						
	Luật học so sánh	010691	1,2,3	2	TC	010030 010032	

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
	Luật hiến pháp nước ngoài	010055	1,2,3	2	TC	010030	
	Luật La Mã	010071	1,2,3	2	TC	010030	
	Giới, bình đẳng giới trong chính sách và pháp luật	010535	1,2,3	2	TC	010030	
HK3 13TC	Ngoại ngữ 2 (Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)						
	Tiếng Anh 2	010014	1	4	BB	010007	
	Tiếng Nga 2	010015	1	4	BB	010008	
	Tiếng Pháp 2	010016	1	4	BB	010009	
	Tiếng Trung 2	010477	1	4	BB	010010	
	Tiếng Đức 2	010018	1	4	BB	010011	
	Tiếng Nhật 2	010019	1	4	BB	010012	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010003	1	2	BB	010002	
	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010689	1	4	BB	010030 010032	
	Luật dân sự 1	010039	1	3	BB	010030	
HK4 13 TC	Luật hình sự 1	010035	1	3	BB	010030	
	Xây dựng văn bản pháp luật	010033	1,2,3	2	BB		
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	010005	1,2,3	2	BB	010003	
	Luật dân sự 2	010040	1,2,3	2	BB	010039	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010004	1,2,3	2	BB	010003	
	Chọn 02 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
	Luật tổ tụng hành chính	010056	1,2,3	2	TC	010689	
	Luật sư, công chứng, chứng thực	010058	1,2,3	2	TC	010689	
	Pháp luật về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	010059	1,2,3	2	TC	010689	
	Tâm lý học tư pháp	010064	1,2,3	2	TC	010027	
	Tâm lý học tội phạm	010065	1,2,3	2	TC	010027	
	Tư pháp đối với người chưa thành niên	010067	1,2,3	2	TC	010030	
	Luật hình sự quốc tế	010060	1,2,3	2	TC	010036	
	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	010070	1,2,3	2	TC		

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu	010077	1,2,3	2	TC	010040	
	Pháp luật về quyền nhân thân	010075	1,2,3	2	TC	010040	
	Luật đầu tư	010079	1,2,3	2	TC	010043	
	Luật Tài nguyên thiên nhiên	010536	1,2,3	2	TC	010032	
	Pháp luật về người khuyết tật	010089	1,2,3	2	TC	010032	
	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	010100	1,2,3	2	TC		
	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ	010116	1,2,3	2	TC	010030	
HK5 14 TC	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	1	2	BB	010035	
	Luật hình sự 2	010036	1,2,3	2	BB	010035	
	Luật thương mại 1	010043	1	3	BB	010039	
	Luật hôn nhân và gia đình	010041	1	3	BB	010039	
	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	010596	1,2,3	2	BB		
	Luật thương mại 2	010044	1,2,3	2	BB	010043	
HK6 14 TC	Luật tố tụng dân sự	010042	1	3	BB	010040	
	Công pháp quốc tế	010048	1	4	BB	010030 010032	
	Luật tố tụng hình sự	010038	1	3	BB	010035	
	Trải nghiệm	010615	1,2,3	2	BB		
	Chọn 02 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
	Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân	010054	1,2,3	2	TC	010032	
	Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật	010057	1,2,3	2	TC	010033	
	Tổ chức tội phạm mafia	010061	1,2,3	2	TC	010036	
	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	010066	1,2,3	2	TC	010690	

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
	Luật bình đẳng giới	010072	1	3	TC	010030	
	Luật thi hành án dân sự	010074	1	3	TC	010040	
	Luật ngân hàng	010081		3		010043	
	Luật chứng khoán	010082	1	3	TC	010043	
	Luật môi trường	010085	1	3	TC	010689	
	Luật môi trường trong kinh doanh	010086	1,2,3	2	TC	010689	
HK7 15 TC	Luật tài chính	010046	1	3	BB	010030	
	Luật sở hữu trí tuệ	010597	1,2,3	2	BB	010039	
	Luật lao động	010045	1	3	BB	010040	
	Luật đất đai	010047	1	3	BB	010689 010040	
	Pháp luật cộng đồng ASEAN	010050	1,2,3	2	BB	010048	
	Chọn 02 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
	Pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	010076	1	3	TC	010040	
	Luật kinh doanh bảo hiểm	010083	1	3	TC	010043	
	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010084	1	3	TC	010043	
	Pháp luật về đấu thầu	010094	1,2,3	2	TC	010044	
	Các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	010600	1	3	TC	010030	
	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	010101	1	3	TC	010689	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	010104	1,2,3	2	TC	010035 010036	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	010105	1,2,3	2	TC	010040	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010108	1	3	TC	010043 010044	
HK8 14 TC	Tư pháp quốc tế	010049	1	4	BB		
	Luật thương mại quốc tế	010051	1	3	BB	010044	
	Thực tập 2	010614		5	BB		

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
	Chọn 02 tín chỉ trong 03 học phần thực tập, trải nghiệm sau:						
	Thực tập 1	010609		2	TC		
	Phiên tòa giả định	010610		2	TC		
	Thực hành hòa giải, đàm phán	010612		2	TC		
HK9 10 TC	Các học phần tự chọn: 10 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành của ngành Luật/Chuyên ngành						
	<u>Nhóm 1: Đối với sinh viên theo học ngành Luật</u>						
	<i>Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc ngành Luật hoặc các chuyên ngành dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật:</i>						
	Khoa học điều tra tội phạm	010062	1,2,3	2	TC	010036 010038	
	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	010063	1,2,3	2	TC	010038	
	Luật thi hành án hình sự	010068	1	3	TC	010038	
	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	010073	1,2,3	2	TC	010042	
	Luật nhà ở	010078	1,2,3	2	TC	010040	
	Thực thi quyền sở hữu trí tuệ	010534	1,2,3	2	TC	010597	
	Luật an sinh xã hội	010080	1,2,3	2	TC	010032	
	Pháp luật về quản trị nhân sự	000408	1	3	TC	010045	
	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	010087	1,2,3	2		010047	
	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010088	1,2,3	2	TC	010047	
	Luật biển quốc tế	010091	1	3	TC	010048	
	Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người	010092	1	3	TC	010048	
	Pháp luật về điều ước quốc tế	010093	1,2,3	2	TC	010048	
	Pháp luật Liên minh châu Âu	010099	1	3	TC	010048	
	Luật môi trường quốc tế	010323	1,2,3	2	TC	010048	
	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	010095	1,2,3	2	TC	010049	
	Pháp luật về trọng tài thương mại	010097	1	3	TC	010049	

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
	Pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan quốc tế	010538	1,2,3	2	TC	010069	
	Pháp luật quyền sở hữu công nghiệp quốc tế	010539	1,2,3	3	TC	010069	
	Quản lý tài sản trí tuệ	010533	1,2,3	3	TC	010069	
	Quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	010600	1,2,3	2	TC	010069	
	Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ	010537	1,2,3	2	TC	010069	
	Cơ chế giải quyết tranh chấp và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	010602	1,2,3	3	TC	010069	
Kỹ năng chuyên ngành							
	Kỹ năng tra cứu và khai thác thông tin sở hữu công nghiệp	010540	1,2,3	2	TC	010030	
<u>Nhóm 3: Đối với sinh viên theo học ngành Luật - Chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự:</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật, chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự:							
Kiến thức chuyên ngành							
	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự	010543	1,2,3	2	TC	010074	
	Áp dụng pháp luật dân sự trong quá trình thi hành án dân sự	010544	1,2,3	3	TC	010040	
	Áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình trong quá trình thi hành án dân sự	010545	1,2,3	2	TC	010041	
Kỹ năng chuyên ngành							
	Kỹ năng chung về thi hành án dân sự	010546	1,2,3	2	TC	010074	
	Kỹ năng tổ chức thi hành án dân sự đối với	010541	1,2,3	3	TC	010074	

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
	một số loại án điển hình						
	Kỹ năng áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự	010548	1,2,3	3	TC	010074	
	Kỹ năng thực hiện hoạt động của thừa phát lại trong thi hành án dân sự	010549	1,2,3	2	TC	010074	
<u>Nhóm 4: Đối với sinh viên theo học ngành Luật - Chuyên ngành Pháp luật và quản trị công:</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc chuyên ngành Pháp luật và quản trị công dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật, chuyên ngành Pháp luật và quản trị công:							
Kiến thức chuyên ngành							
	Pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến	010553	1,2,3	2	TC	010032	
	Luật và Chính sách công	010555	1,2,3	2	TC	010030 010033	
	Pháp luật và dân chủ trong quản trị công	010556	1,2,3	2	TC	010030	
	Pháp luật và quản trị công trong lịch sử	010557	1,2,3	2	TC	010688	
	Pháp luật về quản trị nông thôn và đô thị	010558	1,2,3	2	TC	010032	
	Pháp luật về quản trị tổ chức và nhân sự trong khu vực công	010560	1,2,3	3	TC	010689	
	Chính phủ điện tử	010562	1,2,3	2	TC	010689	
	Quan hệ công chúng trong xây dựng và thực hiện pháp luật	010566	1,2,3	2	TC		
Kỹ năng chuyên ngành							
	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	010567	1,2,3	2	TC	010689	
<u>Nhóm 5: Đối với sinh viên theo học ngành Luật - Chuyên ngành Pháp chế:</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc chuyên ngành Pháp chế dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật, chuyên ngành Pháp chế:							
Kiến thức chuyên ngành							
	Tổ chức và hoạt động pháp chế	010336	1,2,3	2	TC	010032	

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
	Quyền cơ bản theo Hiến pháp Việt Nam	010554	1,2,3	3	TC	010032	
	Pháp luật về thực hành tiết kiệm và phòng, chống tham nhũng	010338	1,2,3	2	TC	010689	
	Kỹ năng chuyên ngành						
	Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	010343	1,2,3	2	TC	010030	
	Kỹ năng theo dõi thi hành pháp luật	010344	1,2,3	2	TC	010030	
	Kỹ năng rà soát, hệ thống hoá và pháp điển quy phạm pháp luật	010348	1,2,3	2	TC	010030 010033	
	Kỹ năng kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật	010349	1,2,3	2	TC	010033	
HK10 7 TC	Thực tập, trải nghiệm tự chọn: Chọn 02 tín chỉ trong 03 học phần sau:						
	Thực tập 1	010609		2	TC		
	Phiên tòa giả định	010610		2	TC		
	Thực hành hòa giải, đàm phán	010612		2	TC		
	Khóa luận tốt nghiệp:						
	Sinh viên chọn viết Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật hoặc chuyên ngành chuyên sâu (nếu đủ điều kiện theo quy định của Trường) hoặc đăng ký học và thi các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và cốt lõi ngành tương ứng: 05TC.						
	Khóa luận tốt nghiệp (ngành Luật)	010599		5	TC		
	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Luật Sở hữu trí tuệ)	010603		5	TC		
	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự)	010604		5	TC		
	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Pháp luật và quản trị công)	010605		5	TC		
	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Pháp chế)	010606		5	TC		

6.4. Tiến trình đào tạo VB2 hình thức đào tạo vừa làm vừa học (Tối đa 6 học kỳ)

Học kỳ (Tổng số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
HK1 18TC	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010030	1	4	BB		
	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	1,2,3	2	BB		
	Luật hiến pháp Việt Nam	010032	1	4	BB		
	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010689	1	4	BB	010030 010032	
	Luật hình sự 1	010035	1	3	BB	010030	
	Phương pháp điều tra xã hội học	010006	1,2,3	1	BB		
HK2 20TC	Luật hình sự 2	010036	1,2,3	2	BB	010035	
	Luật dân sự 1	010039	1	3	BB	010030	
	Xây dựng văn bản pháp luật	010033	1,2,3	2	BB		
	Luật thương mại 1	010043	1	3	BB	010039	
	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010595	1,2,3	2	BB		
	Công pháp quốc tế	010048	1	4	BB	010030 010032	
	Chọn 04 TC thuộc khối học phần giáo dục đại cương trong các học phần tự chọn sau:						
	Xã hội học pháp luật	010022	1,2,3	2	TC		
	Kinh tế vĩ mô	010023	1,2,3	2	TC		
	Quan hệ kinh tế quốc tế	010024	1,2,3	2	TC		
	Lịch sử văn minh thế giới	010025	1,2,3	2	TC		
	Đại cương văn hóa Việt Nam	010026	1,2,3	2	TC		
	Tâm lý học đại cương	010027	1,2,3	2	TC		
	Logic học	010028	1,2,3	2	TC		
	Phương pháp học đại học ngành Luật	010594	1,2,3	2	TC		
HK3 19TC	Luật hôn nhân và gia đình	010041	1	3	BB	010039	
	Luật thương mại 2	010044	1,2,3	2	BB	010043	
	Luật tố tụng hình sự	010038	1	3	BB	010035	
	Luật tố tụng dân sự	010042	1	3	BB	010040	

	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	1	2	BB	010035	
	Luật dân sự 2	010040	1,2,3	2	BB	010039	
	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	010596	1,2,3	2	BB		
	Chọn 02 TC thuộc thành phần cơ sở ngành trong các học phần tự chọn sau:						
	Luật học so sánh	010691	1,2,3	2	TC	010030 010032	
	Luật hiến pháp nước ngoài	010055	1,2,3	2	TC	010030	
	Luật La Mã	010071	1,2,3	2	TC	010030	
	Giới, bình đẳng giới trong chính sách và pháp luật	010535	1,2,3	2	TC	010030	
HK4 17TC	Tư pháp quốc tế	010049	1	4	BB		
	Pháp luật cộng đồng ASEAN	010050	1,2,3	2	BB	010048	
	Luật tài chính	010046	1	3	BB	010030	
	Luật sở hữu trí tuệ	010597	1,2,3	2	BB	010039	
	Chọn 06TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
	Luật tổ tụng hành chính	010056	1,2,3	2	TC	010689	
	Luật sư, công chứng, chứng thực	010058	1,2,3	2	TC	010689	
	Tâm lý học tư pháp	010064	1,2,3	2	TC	010027	
	Tâm lý học tội phạm	010065	1,2,3	2	TC	010027	
	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	010066	1,2,3	2	TC	010690	
	Tư pháp đối với người chưa thành niên	010067	1,2,3	2	TC	010030	
	Luật môi trường	010085	1,2,3	3	TC	010689	
	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	010100	1,2,3	2	TC		
	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ	010116	1,2,3	2	TC	010030	
	Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân	010054	1,2,3	2	TC	010032	
	Pháp luật về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	010059	1,2,3	2	TC	010689	
	Luật hình sự quốc tế	010060	1,2,3	2	TC	010036	

	Tổ chức tội phạm mafia	010061	1,2,3	2	TC	010036	
	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	010070	1,2,3	2	TC		
	Pháp luật về quyền nhân thân	010075	1,2,3	2	TC	010040	
	Thực thi quyền sở hữu trí tuệ	010534	1,2,3	2	TC	010597	
	Luật đầu tư	010079	1,2,3	2	TC	010043	
	Luật ngân hàng	010081	1,2,3	3	TC	010043	
	Luật môi trường trong kinh doanh	010086	1,2,3	2	TC	010689	
	Pháp luật về người khuyết tật	010089	1,2,3	2	TC	010032	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	010103	1,2,3	2	TC	010689	
	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	010113	1,2,3	2	TC	010689	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	010104	1,2,3	2	TC	010035 010036	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	010106	1,2,3	2	TC	010041	
	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	010107	1,2,3	2	TC	010069	
	Lễ tân, ngoại giao trong nghề luật	010598	1,2,3	2	TC		
HK5 13TC	Luật thương mại quốc tế	010051	1	3	BB	010044	
	Luật lao động	010045	1	3	BB	010040	
	Luật đất đai	010047	1	3	BB	010689 010040	
	Trải nghiệm	010615	1,2,3	2	BB		
	Chọn 02TC thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
	Thực thi quyền sở hữu trí tuệ	010534	1,2,3	2	TC	010597	
	Luật thi hành án hình sự	010068	1,2,3	3	TC	010038	
	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	010073	1,2,3	2	TC	010042	
	Luật thi hành án dân sự	010074	1,2,3	3	TC	010040	

	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010084	1,2,3	3	TC	010043	
	Pháp luật về đấu thầu	010094	1,2,3	2	TC	010044	
	Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật	010057	1,2,3	2	TC	010033	
	Khoa học điều tra tội phạm	010062	1,2,3	2	TC	010036 010038	
	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	010063	1,2,3	2	TC	010038	
	Luật bình đẳng giới	010072	1,2,3	3	TC	010030	
	Pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	010076	1,2,3	3	TC	010040	
	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu	010077	1,2,3	2	TC	010040	
	Luật nhà ở	010078	1,2,3	2	TC	010040	
	Luật chứng khoán	010082	1,2,3	3	TC	010043	
	Luật kinh doanh bảo hiểm	010083	1,2,3	3	TC	010043	
	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	010101	1,2,3	3	TC	010689	
	Kỹ năng thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật	010102	1,2,3	2	TC	010033	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	010105	1,2,3	2	TC	010040	
HK6 22TC	Thực tập 2	010614		5	BB		
	Thực tập, trải nghiệm tự chọn: Chọn 02 tín chỉ trong 03 học phần sau:						
	Thực tập 1	010609		2	TC		
	Phiên tòa giả định	010610		2	TC		
	Thực hành hòa giải, đàm phán	010612		2	TC		
	Các học phần tự chọn: 10 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành của ngành Luật/Chuyên ngành <u>Nhóm 1: Đối với sinh viên theo học ngành Luật</u> <i>Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc ngành Luật hoặc các chuyên ngành dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật:</i>						
	Luật an sinh xã hội	010080	1,2,3	2	TC	010032	
	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	010087	1,2,3	2	TC	010047	

Pháp luật về quản trị nhân sự	000408	1,2,3	3	TC	010045	
Luật biên quốc tế	010091	1,2,3	3	TC	010048	
Pháp luật về điều ước quốc tế	010093	1,2,3	2	TC	010048	
Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	010095	1,2,3	2	TC	010049	
Pháp luật Liên minh châu Âu	010099	1,2,3	3	TC	010048	
Luật Môi trường quốc tế	010323	1,2,3	2	TC	010048	
Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	010110	1,2,3	3	TC	010047	
Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	010115	1,2,3	3	TC	010042	
<u>Nhóm 2: Đối với sinh viên theo học ngành Luật - Chuyên ngành Luật Sở hữu trí tuệ:</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc chuyên ngành Luật Sở hữu trí tuệ dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật, chuyên ngành Luật Sở hữu trí tuệ:						
Pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan quốc tế	010538	1,2,3	2	TC	010597	
Pháp luật quyền sở hữu công nghiệp quốc tế	010539	1,2,3	3	TC	010597	
Quản lý tài sản trí tuệ	010533	1,2,3	3	TC	010597	
Quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	010600	1,2,3	2	TC	010597	
Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ	010537	1,2,3	2	TC	010597	
<u>Nhóm 3: Đối với sinh viên theo học ngành Luật - Chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự:</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật, chuyên ngành Luật Thi hành án dân sự:						
Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự	010543	1,2,3	2	TC	010074	
Kỹ năng chung về thi hành án dân sự	010546	1,2,3	2	TC	010074	
Kỹ năng tổ chức thi hành án dân sự đối với	010541	1,2,3	3	TC	010074	

một số loại án điển hình						
Kỹ năng áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự	010548	1,2,3	3	TC	010074	
Kỹ năng thực hiện hoạt động của thừa phát lại trong thi hành án dân sự	010549	1,2,3	2	TC	010074	
<u>Nhóm 4: Đối với sinh viên theo học ngành Luật - Chuyên ngành Pháp luật và quản trị công:</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc chuyên ngành Pháp luật và quản trị công dưới đây để được công nhận tốt nghiệp ngành Luật, chuyên ngành Pháp luật và quản trị công:						
Pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến	010553	1,2,3	2	TC	010032	
Luật và Chính sách công	010555	1,2,3	2	TC	010030 010033	
Pháp luật và dân chủ trong quản trị công	010556	1,2,3	2	TC	010030	
Pháp luật và quản trị công trong lịch sử	010557	1,2,3	2	TC	010688	
Pháp luật về quản trị nông thôn và đô thị	010558	1,2,3	2	TC	010032	
Quan hệ công chúng trong xây dựng và thực hiện pháp luật	010566	1,2,3	2	TC		
Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	010567	1,2,3	2	TC	010689	
<u>Nhóm 5: Đối với sinh viên theo học ngành Luật - Chuyên ngành Pháp chế:</u> Chọn 10 tín chỉ trong số các học phần tự chọn cốt lõi ngành thuộc a:						
Tổ chức và hoạt động pháp chế	010336	1,2,3	2	TC	010032	
Pháp luật về thực hành tiết kiệm và phòng, chống tham nhũng	010338	1,2,3	2	TC	010689	
Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	010343	1,2,3	2	TC	010030	
Kỹ năng theo dõi thi hành pháp luật	010344	1,2,3	2	TC	010030	
Kỹ năng rà soát, hệ thống hoá và pháp điển quy phạm pháp luật	010348	1,2,3	2	TC	010030 010033	
Khóa luận tốt nghiệp:			5			

	Áp dụng pháp luật dân sự trong quá trình thi hành án dân sự	010544	1,2,3	3	TC	010040	
	Áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình trong quá trình thi hành án dân sự	010545	1,2,3	2	TC	010041	
	<i>Ngành Luật - Chuyên ngành Pháp luật và Quản trị công</i>						
	Pháp luật về quản trị tổ chức và nhân sự trong khu vực công	010560	1,2,3	3	TC	010689	
	Chính phủ điện tử	010562	1,2,3	2	TC	010689	
	<i>Ngành Luật - Chuyên ngành Pháp chế</i>						
	Quyền cơ bản theo Hiến pháp Việt Nam	010554	1,2,3	3	TC	010032	
	Kỹ năng kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật	010349	1,2,3	2	TC	010033	